

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST
Ngày: 05 - 01 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thế Phương;
- Ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56A/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Gia N (Tý), sinh ngày 08/11/1984, tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 08, khóm VĐ 1, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Gạt P, sinh năm 1950 và bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1953; có vợ là Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1987 và có 01 con tên Trần Thị Ngọc Ý, sinh năm 2007; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án: Ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đến ngày 30/5/2021, chấp hành xong án phạt tù, chưa chấp hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Ngày 12/02/2022, Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; thời gian áp dụng là 03 tháng, kể từ ngày 12/02/2022.

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2022 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Thành C, sinh ngày 23/01/1999, tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 07, khóm VT 3, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án: Ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đến ngày 09/02/2021, chấp hành xong án phạt tù, đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2022 cho đến nay, có mặt.

Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, nơi cư trú: tổ 12, ấp TBH, xã NH, huyện TB, tỉnh AG; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974, nơi cư trú: tổ 03, khóm VĐ, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ 01, khóm VT, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1957, nơi cư trú: tổ 13, khóm CT 1, phường CP B, thành phố CD, tỉnh AG; vắng mặt.

- Ông Thái Thanh S, sinh năm 1953, nơi cư trú: tổ 09, khóm VX, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG; vắng mặt.

- Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 14, ấp VK 1, xã VT, thành phố CD, tỉnh AG; vắng mặt.

- Ông Lê Văn S1, sinh năm 1963, nơi cư trú: tổ 04, khóm VP, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG; vắng mặt.

- Bà Bùi Thị Thiên T2, sinh năm 1950, nơi cư trú: tổ 24, khóm VC, phường CP A, thành phố CD, tỉnh AG; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Tạ Văn H, sinh năm 1983; có mặt.

- Phan Thành T3, sinh năm 1975; có mặt.

- Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967; vắng mặt.

- Trần Văn H2, sinh năm 1982; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 08 giờ ngày 23/4/2022, Trần Gia N rủ Trần Thành C đi tìm tài sản lấy trộm để bán thì C đồng ý. Để thực hiện, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67Z1-3787 chở C đi trên đường Tỉnh lộ 955A tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà bà T (thuộc khu vực tổ 12, ấp Trung Bắc Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên), N và C quan sát thấy nhà không người trông giữ, N liền dừng xe và đi vào nhà lấy trộm miếng dạt giường bằng sắt của bà T mang ra đưa cho C, rồi N tiếp tục đi sang vách nhà bên phải của bà T lấy trộm thêm 01 cái tH1 bằng sắt. Sau khi lấy trộm xong, N điều khiển xe chở C đi được khoảng 100m thì bà T phát hiện, truy hô cùng người dân bắt giữ N và C giao Công an xử lý.

Quá trình điều tra, xác định Trần Thành C còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 04/5/2022, C đi bộ đến khu vực nghĩa trang thuộc tổ 03, khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc phát hiện cửa rào sắt vòng thành mộ của gia đình bà Nguyễn Thị T1 chỉ móc ổ khóa nhưng không bóp khóa và không người trông giữ nên C nảy sinh ý định lấy trộm cửa rào sắt. C liền gỡ bỏ ổ khóa, dùng hai tay cầm cửa rào lắc mạnh khỏi bản lề rồi C mang cửa rào cất giấu cách đó khoảng 20m. Sau đó, C thuê ông Thái Thanh S điều khiển xe mô tô chở C và cửa rào sắt đến điểm thu mua phế liệu của ông Huỳnh Văn D (thuộc ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc), bán cửa rào sắt được 260.000 đồng, C trả cho ông Sơn 30.000 đồng tiền thuê xe, còn lại 230.000 đồng C tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 14/5/2022, C đi bộ đến khu vực tổ 01, khóm Vĩnh Tây 2, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc phát hiện xe lôi đạp của ông Nguyễn Văn C đang dựng ngoài hàng rào khu trưng bày tượng điêu khắc, còn ông C đang nằm võng ngủ cách xe lôi đạp khoảng 10m nên C nảy sinh ý định lấy trộm xe lôi đạp. C đi bộ đến lấy xe lôi đạp và điều khiển xe chạy đến điểm thu mua phế liệu của bà Bùi Thị Thiên T2 (thuộc tổ 21, khóm Vĩnh Chánh, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc), bán xe lôi đạp được 250.000 đồng và tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 miếng dạt giường màu đỏ, 01 cái thùng bằng kim loại sắt, đã trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị T.
- 01 khung cửa rào sắt, đã trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị T1.
- 01 xe lôi đạp gồm: 01 xe đạp màu xanh có gắn thùng xe bằng khung gỗ bọc tole, đã trả lại cho bị hại ông Lê Văn S1 (chủ xe).
- 01 xe mô tô biển số 67Z1-3787.

- 01 cây kiềng đầu nhọn, cán màu đỏ - đen, dài 15,5cm.
- 01 cây kiềng đa năng, cán màu đen - đỏ, dài 16cm.
- Tiền Việt Nam 30.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 670/KL-HĐĐG.TTHS ngày 27/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tịnh Biên xác định: 01 miếng dạt giường màu đỏ, bằng kim loại sắt, kích thước (190 x 117)cm, có khối lượng 14,5kg, trị giá 116.000 đồng; 01 cái thùng bằng kim loại sắt (loại thùng đựng dụng cụ), kích thước (45 x 23)cm, có khối lượng 6,5kg, trị giá 52.000 đồng. Tổng giá trị: 168.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 242 và 356/KL-ĐG ngày 06/6/2022 và ngày 20/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc xác định: 01 khung cửa rào sắt gồm nhiều thanh sắt tròn, phi 13, hàn dính vào khung sắt hình chữ nhật, kích thước (124 x 133)cm, trị giá 700.000 đồng; 01 xe lôi đạp gồm: 01 xe đạp màu xanh có gắn thùng xe bằng khung gỗ bọc tole, trị giá 2.500.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định số 369/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 03/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận: Trích xuất 09 ảnh từ dữ liệu video lưu trữ trong 02 đĩa DVD (ký hiệu: A1, A2) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo; hình ảnh đối tượng nghi vấn từ dữ liệu video lưu trữ trong 02 đĩa DVD (ký hiệu A1, A2): không đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất; kèm theo kết luận giám định: 01 Phụ lục gồm 12 trang A4.

Ngày 28/6/2022, Trần Gia N, Trần Thành C bị khởi tố để điều tra, xử lý.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSTB.HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên đã truy tố bị cáo Trần Thành C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trần Gia N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

Các bị cáo N, C khai nhận đã thực hiện các hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị hại Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Chủ tọa công bố lời khai của bị hại Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn C; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị P, Thái Thanh S, Huỳnh Văn D, Lê Văn S1, Bùi Thị Thiên T2 và người làm chứng Nguyễn Văn H1, Trần Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thành C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; bị

cáo Trần Gia N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo nội dung cáo trạng.

Về tính chất vụ án: đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết và phân công vai trò chặt chẽ khi thực hiện tội phạm; bị cáo N là người nảy sinh ý định, rủ rê, chuẩn bị phương tiện chở C đi tìm tài sản lấy trộm; bị cáo C cảnh giới, giúp sức cho bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, nghiện ma túy, bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”; bên cạnh đó, bị cáo N còn bị Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng các bị cáo không sửa đổi mà tiếp tục phạm tội.

Tình tiết tăng nặng: bị cáo C đã bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 14/02/2020, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện 03 hành vi lấy trộm tài sản, trong đó có 01 lần giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thành C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Gia N từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 02 cây kiềm do không còn giá trị sử dụng. Tịch thu sung vào ngân sách số tiền 30.000 đồng do ông Thái Thanh S giao nộp do đây là tiền do bị cáo bán cửa rào sắt lấy trộm mà có trả tiền thuê xe cho ông Sơn.

Đối với 01 xe mô tô biển số 67Z1-3787 do bà P đứng tên, bà P xác định đã bán xe mô tô cho N với giá 4.500.000 đồng, không làm giấy mua bán, do N chưa trả tiền nên chưa làm thủ tục sang tên. Khi bà P bán xe cho N không biết N sử dụng xe làm phương tiện để trộm cắp tài sản; do N chưa trả tiền nên bà P yêu cầu được nhận lại xe. Tuy nhiên, xe mô tô biển số 67Z1-3787 đã được bà P với bị cáo N xác lập hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu theo đúng quy định nên bị cáo N là người quản lý hợp pháp đối với xe mô tô và bị cáo N sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện trộm cắp tài sản nên đề nghị tịch thu, sung vào ngân

sách nhà nước. Nếu có tranh chấp số tiền mua xe giữa bà P với bị cáo N sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T, T1, C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Văn S1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xử lý.

Đối với ông Thái Thanh S khi chở C đi bán cửa rào sắt thì không biết cửa rào do C trộm cắp mà có; ông Huỳnh Văn D, bà Bùi Thị Thiên T2 khi mua cửa rào và xe lôi đạp của C không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên không quy kết trách nhiệm đối với ông Son, ông D, bà T2 là có căn cứ.

Các bị cáo thống nhất theo quan điểm luận tội của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận; trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tịnh Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn C; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị P, Thái Thanh S, Huỳnh Văn D, Lê Văn S1, Bùi Thị Thiên T2 và những người làm chứng Nguyễn Văn H1, Trần Văn H2, vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Gia N, Trần Thành C khai nhận, do cần tiền tiêu xài, sử dụng ma túy, Trần Gia N và Trần Thành C thực hiện các lần chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Vào khoảng 08 giờ ngày 23/4/2022, bị cáo N đã có hành vi câu kết với Trần Thành C lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị T 01 miếng dạt giường bằng sắt, 01 cái thùng bằng sắt thì bị phát hiện.

Vào khoảng 07 giờ ngày 04/5/2022, bị cáo C có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị T1 01 khung cửa rào sắt gồm nhiều thanh sắt tròn và

đem bán cho ông Huỳnh Văn D được 260.000 đồng, C trả tiền xe cho ông Sơn 30.000 đồng, còn lại 230.000 đồng tiêu xài.

Vào khoảng 10 giờ ngày 14/5/2022, bị cáo C lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Văn C 01 xe ô tô đạp gồm 01 xe đạp màu xanh có gắn thùng xe bằng khung gỗ bọc tole và đem bán cho Bùi Thị Thiên T2 được 250.000 đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp nhau về thời gian, địa điểm và diễn biến về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác, gồm: bản ảnh tang vật; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng sơ đồ hiện trường ngày 23/4/2022 do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên lập; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh cùng sơ đồ hiện trường ngày 06/9/2022 do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc lập.

Bên cạnh đó, lời khai của các bị cáo N, C còn phù hợp với lời khai của bị hại T về việc phát hiện các bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 miếng dạt giường màu đỏ bằng kim loại sắt và 01 cái thùng bằng kim loại sắt; phù hợp với lời khai của ông H, ông T3 về việc nghe bà T truy hô và cùng nhau bắt giữ N, C giao cho Công an xử lý; phù hợp với biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 23/4/2022 do Công an xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên lập.

Lời khai của bị cáo C phù hợp với lời khai của bị hại T1 về việc bị mất trộm 01 khung cửa rào sắt vòng thành mộ của gia đình tại tổ 03, khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc; lời khai ông Thái Thanh S về việc có chở bị cáo C và cửa rào sắt đến điểm thu mua phế liệu của ông Huỳnh Văn D thuộc ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc và được bị cáo trả tiền xe 30.000 đồng; lời khai của ông Huỳnh Văn D về việc có mua của bị cáo C 01 khung cửa rào sắt với giá 260.000 đồng; lời khai của ông Nguyễn Văn H1 về việc chứng kiến người đàn ông điều khiển xe mô tô chở 01 nam thanh niên có cầm 01 cửa rào sắt.

Lời khai của bị cáo C còn phù hợp với lời khai của bị hại C về việc bị mất trộm 01 xe ô tô đạp tại khu vực tổ 01, khóm Vĩnh Tây 2, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc; lời khai ông Trần Văn H2 về việc có nghe ông C cho hay bị mất trộm 01 xe ô tô đạp vào ngày 14/5/2022; lời khai ông Lê Văn S1 về việc có cho ông C thuê 01 xe ô tô đạp để chạy xe ô tô kiếm sống; lời khai bà Bùi Thị Thiên T2 về việc có mua của bị cáo C 01 xe ô tô đạp với giá 250.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện các bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, các bị cáo N, C đã lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại T, T1, C.

Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt, theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 670/KL-HĐĐG.TTHS ngày 27/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tịnh Biên và Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 242 và 356/KL-ĐG ngày 06/6/2022 và ngày 20/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, 01 miếng dạt

giường màu đỏ, bằng kim loại sắt, kích thước (190 x 117)cm, có khối lượng 14,5kg, trị giá 116.000 đồng; 01 cái thùng bằng kim loại sắt (loại thùng đựng dụng cụ), kích thước (45 x 23)cm, có khối lượng 6,5kg, trị giá 52.000 đồng; tổng giá trị: 168.000 đồng và 01 khung cửa rào sắt gồm nhiều thanh sắt tròn, phi 13, hàn dính vào khung sắt hình chữ nhật, kích thước (124 x 133)cm, trị giá 700.000 đồng; 01 xe lôi đạp gồm: 01 xe đạp màu xanh có gắn thùng xe bằng khung gỗ bọc tole, trị giá 2.500.000 đồng. Như vậy, bị cáo N và C thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bà T trị giá 168.000 đồng; bên cạnh đó, bị cáo C còn thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bà T1 trị giá 700.000 đồng, của ông C trị giá 2.500.000 đồng.

Các bị cáo Trần Gia N, Trần Thành C là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì động cơ vụ lợi, với mục đích có tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng, xâm phạm quan hệ sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo C đã có hành vi lấy trộm tài sản của bà T1 trị giá 700.000 đồng; của ông C, trị giá 2.500.000 đồng và cùng bị cáo N lấy trộm tài sản của bị hại T, trị giá 168.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo N đã bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 29/9/2020, chưa xóa án tích, nay lại tiếp tục có hành vi lấy trộm tài sản của bà T trị giá 168.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Các bị cáo là người đang ở độ tuổi lao động. Đáng lẽ, các bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, nghiện ma túy các bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho những người dân sống xung quanh nơi xảy ra sự việc.

Bên cạnh đó, các bị cáo đều có nhân thân xấu, cùng nghiện ma túy, đã bị xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản. Điều này thể hiện các bị cáo có ý thức xem

thường pháp luật, khó cải tạo, giáo dục để trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về đồng phạm, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo (N, C) không có sự bàn bạc, thỏa thuận trong thực hiện tội phạm; hành vi của các bị cáo có sự liên kết, hỗ trợ nhau, bị cáo N là người nảy sinh ý định, chuẩn bị phương tiện, rủ rê bị cáo C; bị cáo C là người giúp sức, cảnh giới cho bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, có xem xét đến tính chất và mức độ tham gia của từng bị cáo trong đồng phạm khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo C đang có 01 tiền án do bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 14/02/2020, chấp hành xong hình phạt ngày 09/02/2021 chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện 03 hành vi chiếm đoạt, trong đó giá trị của 01 lần chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng nên lần thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cho nên, cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ma túy, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Xe mô tô biển số 67Z1-3787 do bà P đứng tên sở hữu, bà P xác định đã bán xe mô tô cho N với giá 4.500.000 đồng, không làm giấy mua bán, do N chưa trả tiền nên chưa làm thủ tục sang tên, đã giao xe cho N quản lý, sử dụng. Bà P có yêu cầu được nhận lại xe do không biết N sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản. Xét, xe mô tô biển số 67Z1-3787 đã được bà P bán cho N, các bên không làm giấy mua bán và bị cáo N đã nhận xe, quản lý, sử dụng từ khoảng 01 tháng trước ngày phát hiện hành vi phạm tội 23/4/2022 nên có cơ sở xác định giữa bà P với bị cáo N đã xác lập hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu xe mô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó, bị cáo N là chủ sở hữu, quản lý hợp pháp đối với xe mô tô trên. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của bà P về việc xin nhận lại xe mô tô biển số 67Z1-3787. Nếu có tranh chấp về thỏa thuận trả tiền mua xe giữa bị cáo với bà P sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

- Ông Thái Thanh S khi chở bị cáo C đi bán cửa rào sắt, không biết cửa rào do C trộm cắp mà có; ông Huỳnh Văn D, bà Bùi Thị Thiên T2 khi mua cửa rào sắt và xe lôi đạp của C không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên không quy kết trách nhiệm đối với ông Sơn, ông D, bà T2 là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên đã giao trả cho bị hại T 01 miếng dạt giường màu đỏ, 01 cái thùng bằng kim loại sắt; giao trả cho bị hại T1 01 khung cửa rào sắt; giao trả cho ông Lê Văn S1 (chủ xe) 01 xe lôi đạp là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên không đề cập xử lý lại.

- Bị cáo N là chủ sở hữu, quản lý hợp pháp đối xe mô tô biển số 67Z1-3787 và xe mô tô được bị cáo sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 23/4/2022 nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 cây kiềng đầu nhọn và 01 cây kiềng đa năng đã thu giữ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền bị cáo C bán 01 khung cửa rào sắt, 01 xe lôi đạp lấy trộm của bà T1, ông C được 510.000 đồng; bà T1, ông C không có yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng đây là tiền bị cáo mua bán vật do phạm tội mà có; ông Sơn đã giao nộp 30.000 đồng nên cần buộc bị cáo C giao nộp 480.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Về trách nhiệm dân sự: sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bà T, bà T1, ông C, ông Sơn không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Gia N (Tý) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Trần Gia N: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 04/7/2022 (ngày bốn, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Thành C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Trần Thành C: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 04/7/2022 (ngày bốn, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai).

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây kiếm đầu nhọn, cán màu đỏ - đen, dài 15,5cm và 01 (một) cây kiếm đa năng, cán màu đen - đỏ, dài 16cm (đã qua sử dụng).

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô đã qua sử dụng biển số 67Z1-3787, nhãn hiệu : SYM-GENZO, số loại: 110, màu sơn: Đen – Xám (đã qua sử dụng) và tiền Việt Nam 30.000 (ba mươi nghìn) đồng theo giấy nộp tiền ngày 17/11/2022 của Công an huyện Tịnh Biên.

(theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tịnh Biên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên).

- Buộc bị cáo Trần Thành C giao nộp 480.000 (bốn trăm tám mươi nghìn) đồng là tiền do mua bán vật do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Gia N, Trần Thành C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Trần Gia N, Trần Thành C; bị hại Trần Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn C; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị P, Thái Thanh S, Huỳnh Văn D, Lê Văn S1, Bùi Thị Thiên T2 vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tịnh Biên (2);
- Cơ quan CSĐT - Công an H. Tịnh Biên (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung